

# Máy in đa chức năng HP Laser 139FNW



Khả năng in hiệu suất cao với mức giá phải chăng. In, scan, photocopy và fax<sup>6</sup> mang lại kết quả chất lượng cao cùng với khả năng điều khiển từ điện thoại.<sup>1,7</sup>



Affordability



Compact size



Mobile app

## Chất lượng huyền thoại, giá cả phải chăng đến không ngờ

- Máy in laser có thiết kế nhỏ gọn, chất lượng vượt trội, nhất quán.
- Chất lượng in đen trắng cho văn bản và đồ họa sắc nét.
- An tâm với máy in laser đa chức năng có hiệu suất cao và mức giá phải chăng.

## Được thiết kế để vừa với không gian của bạn

- Bạn có thể đặt chiếc máy in đa chức năng nhỏ gọn này ở gần như mọi nơi.
- Đạt tốc độ in lên tới 20 hình/phút.<sup>2</sup>
- In, scan, photocopy và fax rảnh tay, sử dụng ADF 40 trang.<sup>6</sup>
- In nhanh chóng và dễ dàng, sau đó fax trực tiếp ngay tại bảng điều khiển.

## Dễ dàng in và scan trên thiết bị di động với ứng dụng HP Smart

- Có được thiết lập đơn giản, đồng thời in ấn và scan từ điện thoại của bạn với ứng dụng HP Smart.<sup>1,7</sup>
- Dễ dàng in từ nhiều loại điện thoại thông minh và máy tính bảng.<sup>3,7</sup>
- Dễ dàng chia sẻ tài nguyên – truy cập và in bằng cách kết nối mạng không dây và Ethernet.<sup>4,7,8</sup>
- Kết nối điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng trực tiếp với máy in – dễ dàng in mà không cần truy cập mạng.<sup>5,7</sup>

## Tổng quan sản phẩm

### Máy in đa chức năng HP Laser 139FNW

- 1. Bàn phím và LCD 2 dòng
- 2. Tốc độ lên đến 20 trang/phút (A4)
- 3. Số lượng trang in đề xuất hằng tháng (RMPV) cao lên đến 2.000 trang
- 4. Đầu vào 150 tờ, đầu ra 100 tờ
- 5. Công nghệ không dây
- 6. Kết nối USB 2.0 tốc độ cao
- 7. khay nạp tài liệu tự động 40 tờ
- 8. Công nghệ thay hộp mực tiên tiến
- 9. Kết nối mạng Ethernet
- 10. Máy scan mặt kính phẳng để scan, sao chép và fax
- 11. Ứng dụng HP Smart



## Phụ kiện, Vật liệu & Hỗ trợ

|                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Vật tư            | W1112A Hộp mực in laser chính hãng màu đen HP 110A (~1,500 pages)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Dịch vụ và Hỗ trợ | UB4V4E Dịch vụ thay thế tại chỗ trong vòng 2 năm của HP cho Máy in đa chức năng Laser 10x và 13x<br>UB4V5E Dịch vụ thay thế tại chỗ trong vòng 3 năm của HP cho Máy in đa chức năng Laser 10x và 13x<br>UB4V6E Dịch vụ thay thế trong Ngày làm việc tiếp theo trong vòng 2 năm của HP cho Máy in đa chức năng Laser 10x và 13x<br>UB4V7E Dịch vụ thay thế trong Ngày làm việc tiếp theo trong vòng 3 năm của HP cho Máy in đa chức năng Laser 10x và 13x<br>UB4W3E Dịch vụ trả về kho trong vòng 2 năm của HP cho Máy in đa chức năng Laser 10x và 13x<br>UB4W4E Dịch vụ trả về kho trong vòng 3 năm của HP cho Máy in đa chức năng Laser 10x và 13x<br>U6N05E Dịch vụ Cài đặt kèm Dịch vụ Mạng dành cho Máy in Tiêu dùng của HP |

Thông số kỹ thuật

|                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Model                                      | Máy in đa chức năng HP Laser 139FNW                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| Mã sản phẩm                                | A0NU1A                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| Các chức năng                              | In, sao chép, quét                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| In                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Công nghệ in                               | Laser                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| Tốc độ in <sup>7</sup>                     | <b>Đen trắng (A4, thường):</b> Lên đến 20 trang/phút                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| Trang ra đầu tiên <sup>8</sup>             | <b>Đen trắng (A4, sẵn sàng):</b> Nhanh 8,3 giây ; <b>Đen trắng (A4, chế độ ngủ):</b> Nhanh đến 18 giây (15 phút)                                                                                                                                                                                                               |
| Độ phân giải in                            | <b>Đen trắng (tốt nhất):</b> Tối đa 1.200 x 1.200 dpi ; <b>Công nghệ:</b> ReCP                                                                                                                                                                                                                                                 |
| Chu kỳ hoạt động hàng tháng                | Tối đa 10.000 trang A4; <b>Số lượng trang được đề xuất hàng tháng:</b> 100 đến 2.000                                                                                                                                                                                                                                           |
| Tính năng phần mềm thông minh của máy in   | In hai mặt thủ công và in sách nhỏ, in nhiều trang trên một mặt, bỏ qua các trang trống, in poster, hình mở                                                                                                                                                                                                                    |
| Ngôn ngữ in ấn tiêu chuẩn                  | SPL                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| Vùng in                                    | <b>Lề in</b> Hàng đầu: 5 mm, Dưới cùng: 5 mm, Trái: 5 mm, Phải: 5 mm; Vùng in tối đa : 216 x 356 mm                                                                                                                                                                                                                            |
| In hai mặt                                 | Hướng dẫn sử dụng (cung cấp hỗ trợ cho trình điều khiển)                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| Photocopy                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Tốc độ sao chép <sup>5</sup>               | <b>Đen trắng (A4):</b> Lên đến 20 bản sao/phút                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| Các thông số kỹ thuật của máy photocopy    | Số lượng bản sao; Kích thước bản gốc; Thu nhỏ/Phóng to; Độ đậm; Loại bản gốc; Sắp xếp trang in; 2 trang một mặt giấy; 4 trang một mặt giấy; Sao chép ID; Điều chỉnh nền; Tự động sao chép phù hợp; <b>Số bản sao tối đa:</b> Lên đến 99 bản sao;                                                                               |
| Scan                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Định dạng tập tin scan                     | Phần mềm Chụp quét Windows hỗ trợ định dạng tập tin: PDF, JPG, TIFF, PNG, BMP                                                                                                                                                                                                                                                  |
| Thông số kỹ thuật của máy chụp quét        | <b>Loại máy scan</b> Mặt kính phẳng; <b>Công nghệ scan:</b> Cảm biến Hình ảnh Tiếp xúc (CIS); <b>Chế độ đầu vào scan:</b> Sao chép bằng panen phía trước, phần mềm quét HP MFP, ứng dụng người dùng thông qua TWAIN hoặc WIA; <b>Phiên bản Twain:</b> Phiên bản 1.9; <b>Độ phân giải scan quang học:</b> Lên đến 600 x 600 dpi |
| Các tính năng nâng cao của máy scan        | Quét thành WSD(chỉ hỗ trợ mạng);Quét sách; Poster Stitching cho nhiều lần quét; Chuyển đổi văn bản; Chụp quét sang định dạng E-Book; Tệp hiện có thành Sách điện tử                                                                                                                                                            |
| Vùng có thể scan                           | <b>Kích thước giấy ảnh media tối đa (phẳng):</b> 216 x 297 mm ; <b>Kích thước giấy ảnh media tối thiểu (ADF):</b> 145 x 145 mm                                                                                                                                                                                                 |
| Độ sâu bit/ Cấp độ hình ảnh thang độ xám   | 8-bit (đơn sắc) 32-bit (màu) / 256                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| Tốc độ bộ xử lý                            | 600 MHz                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| Khả năng kết nối                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Bộ nhớ                                     | <b>Tiêu chuẩn:</b> 128 MB ; <b>Tối đa:</b> 128 MB                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| Xử lý giấy ảnh media                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Số khay giấy                               | <b>Tiêu chuẩn:</b> 1 ; <b>Tối đa:</b> 1                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| Loại giấy in                               | Giấy trơn, giấy dày, giấy mỏng, giấy bóng, giấy in màu, giấy in sẵn, giấy tái chế, giấy in nhân, giấy in bìa, giấy in trái phiếu, giấy bạc halide, giấy in phong bì                                                                                                                                                            |
| Khổ giấy in                                | <b>Tùy chỉnh (theo hệ mét):</b> 76 x 127 đến 216 x 356 mm <b>Có hỗ trợ (theo hệ mét):</b> A4; A5; A5(LEF); B5 (JIS); Oficio; Phong bì (DL,C5)                                                                                                                                                                                  |
| Xử lý giấy ảnh media                       | <b>Đầu vào tiêu chuẩn:</b> Khay nạp giấy 150 tờ <b>Đầu ra tiêu chuẩn:</b> Ngăn giấy ra 100 tờ                                                                                                                                                                                                                                  |
| Trọng lượng giấy ảnh media                 | 60 đến 163 g/m²                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Công suất đầu vào                          | <b>Khay 1:</b> Từ (75 g/m²): 150; phong bì: 10 <b>Tối đa:</b> Tối đa 150 tờ <b>ADF:</b> Tiêu chuẩn, 40 tờ                                                                                                                                                                                                                      |
| Công suất đầu ra                           | <b>Tiêu chuẩn:</b> Lên đến 100 tờ Phong bì: Tối đa 10 phong bì <b>Tối đa:</b> Lên đến 100 tờ                                                                                                                                                                                                                                   |
| Hệ điều hành tương thích <sup>11</sup>     | Windows 8; Windows 8,1; Windows 10; macOS 10.14 Mojave; macOS 10.13 High Sierra; macOS 10.12 Sierra; macOS 10.11 El Capitan                                                                                                                                                                                                    |
| Các hệ điều hành mạng tương thích          | Windows 11; Windows 10; Android; iOS; macOS 12 Monterey; macOS 13 Ventura; MacOS v14 Sonoma; Linux                                                                                                                                                                                                                             |
| Yêu cầu hệ thống tối thiểu                 | <b>Windows:</b> RAM 1 GB, HDD 16 GB, Internet, USB                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| Phần mềm đi kèm                            | Trình cài đặt chung, V3 Trình điều khiển in với Lite SM, Trình điều khiển TWAIN/WIA, HP MFP Scan, chương trình OCR, HP LJ Mạng PC-FAX (chỉ dành cho model 4 trong 1)                                                                                                                                                           |
| Quản lý bảo mật                            | Máy chủ web tích hợp mạng được bảo vệ bằng mật khẩu; kích hoạt/ngắt kích hoạt các cổng mạng; Thay đổi mật khẩu cộng đồng SNMPv1; SNMPV2&V3; IPSec; Bộ lọc : MAC, IPv4, IPv6                                                                                                                                                    |
| Quản lý máy in                             | Không có                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| Kích thước và trọng lượng                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Kích thước máy in (R x S x C) <sup>1</sup> | <b>Tối thiểu</b> 406 x 359,6 x 308,7 mm; <b>Tối đa:</b> 421,9 x 424 x 308,7 mm                                                                                                                                                                                                                                                 |
| Trọng lượng máy in <sup>2</sup>            | 8,58 kg                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| Môi trường hoạt động                       | <b>Nhiệt độ:</b> 10 đến 30°C <b>Độ ẩm:</b> 20 đến 70% RH (không ngưng tụ)                                                                                                                                                                                                                                                      |
| Điều kiện lưu trữ                          | <b>Nhiệt độ:</b> -20 đến 40°C                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| Âm thanh                                   | <b>Phát xạ công suất âm thanh:</b> 6,5 B(A) (tốc độ in lên đến 20 ppm)                                                                                                                                                                                                                                                         |
| Nguồn điện <sup>3</sup>                    | <b>Yêu cầu:</b> Điện áp đầu vào 110 V: 110 đến 127 VAC, 50/60 Hz và điện áp đầu vào 220 V: 220 đến 240 VAC, 50/60 Hz;<br><b>Mức tiêu thụ Điện Điện hình (TEC)<sup>9</sup>:</b> 0,876 kWh/Tuần (BA), 0,924 kWh/Tuần (ES);<br><b>Loại nguồn điện:</b> Nguồn điện bên trong (Tích hợp sẵn)                                        |
| Xuất xứ                                    | Được sản xuất tại Trung Quốc                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| Trong hộp có gì                            | A0NU1A Hộp mực in lắp sẵn ban đầu HP Laser Black (Màu đen); Hướng dẫn thiết lập; Hướng dẫn tham khảo; Tờ thông tin tuyên bố tuần thủ; Dây nguồn; Cáp USB; Cáp viễn thông (chỉ loại 4-trong-1)                                                                                                                                  |
| Bảo hành                                   | Bảo hành phần cứng giới hạn trong 1 năm; Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập <a href="https://support.hp.com">https://support.hp.com</a>                                                                                                                                                                                 |

Ghi chú

- <sup>1</sup> Yêu cầu tải xuống ứng dụng HP Smart. Để biết chi tiết về các yêu cầu in tại địa phương, hãy truy cập <http://www.hp.com/go/mobileprinting>
- <sup>2</sup> Được đo theo tiêu chuẩn ISO/IEC 24734, không bao gồm bộ tài liệu kiểm tra đầu tiên. Để biết thêm thông tin, hãy truy cập trang web <http://www.hp.com/go/printerclaims>. Tốc độ chính xác thay đổi tùy thuộc vào cấu hình hệ thống, ứng dụng phần mềm, trình điều khiển và độ phức tạp của tài liệu.
- <sup>3</sup> Để biết chi tiết về các yêu cầu in cục bộ, hãy truy cập <http://www.hp.com/go/mobileprinting>
- <sup>4</sup> Các hoạt động không dây chỉ tương thích với các hoạt động 2.4 GHz. Tìm hiểu thêm tại <http://www.hp.com/go/mobileprinting>. Wi-Fi là thương hiệu đã đăng ký của Wi-Fi Alliance®.
- <sup>5</sup> Thiết bị di động cần có kết nối tín hiệu Wi-Fi Direct® với máy in hoặc AiO hỗ trợ Wi-Fi Direct trước khi in. Xem thông tin chi tiết tại <http://www.hp.com/go/mobileprinting>. Wi-Fi Direct® là thương hiệu đã đăng ký của Wi-Fi Alliance®.
- <sup>6</sup> Khả năng Fax và chỉ dùng ADF khả dụng trên các mẫu p, pn, pnw và fnw.
- <sup>7</sup> Tính năng in không dây và di động chỉ có trên các model w, nw, pnw, hoặc fnw.
- <sup>8</sup> Kết nối mạng Ethernet chỉ khả dụng trên các model nw, pn, pnw hoặc fnw.

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm về thông số kỹ thuật

- <sup>1</sup> Kích thước thay đổi theo cấu hình
- <sup>2</sup> Trọng lượng thay đổi theo cấu hình
- <sup>3</sup> Các yêu cầu về điện năng tùy thuộc vào từng quốc gia/khu vực bán máy in. Không chuyển đổi điện áp hoạt động. Điều này sẽ làm hỏng máy in và làm mất hiệu lực bảo hành sản phẩm. Giá trị tiêu thụ điện năng thường dựa vào số đo của thiết bị 115V.
- <sup>4</sup> Giá trị năng suất công bố tuân theo tiêu chuẩn ISO/IEC 19752 và chế độ in liên tục. Năng suất thực tế thay đổi đáng kể tùy theo hình ảnh được in và các yếu tố khác. Để biết chi tiết, hãy truy cập <http://www.hp.com/go/learnaboutsupplies>.
- <sup>5</sup> Sáp chép bản đầu tiên và Tốc độ Sao chép được tính bằng cách sử dụng tiêu chuẩn ISO/IEC 29183, không bao gồm bộ tài liệu kiểm tra đầu tiên. Để biết thêm thông tin, hãy truy cập trang web <http://www.hp.com/go/printerclaims>. Tốc độ chính xác thay đổi tùy thuộc vào cấu hình hệ thống, ứng dụng phần mềm, trình điều khiển và độ phức tạp của tài liệu.
- <sup>6</sup> 128 MB (DDR3-1333)
- <sup>7</sup> Được đo theo tiêu chuẩn ISO/IEC 24734, không bao gồm bộ tài liệu kiểm tra đầu tiên. Để biết thêm thông tin, hãy xem <http://www.hp.com/go/printerclaims>. Tốc độ chính xác thay đổi tùy thuộc vào cấu hình hệ thống, ứng dụng phần mềm, trình điều khiển và độ phức tạp của tài liệu.
- <sup>8</sup> Được đo theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17629. Để biết thêm thông tin, hãy xem <http://www.hp.com/go/printerclaims>. Tốc độ chính xác thay đổi tùy thuộc vào cấu hình hệ thống, ứng dụng phần mềm, trình điều khiển và độ phức tạp của tài liệu.
- <sup>9</sup> Các yêu cầu về điện năng tùy thuộc vào từng quốc gia/khu vực bán máy in. Không chuyển đổi điện áp hoạt động. Điều này sẽ làm hỏng máy in và làm mất hiệu lực bảo hành sản phẩm. Giá trị chứng nhận Energy Star thường dựa vào số đo của thiết bị 115V và 230V đối với chứng nhận Blue Angel.
- <sup>10</sup> HP khuyến nghị rằng số trang được chụp quét mỗi tháng nên nằm trong phạm vi quy định để thiết bị đạt được hiệu suất tối ưu
- <sup>11</sup> Windows 7 trở lên

